

Bản án số: 44 /2020/KDTM-ST

Ngày: 28/9/2020

(V/v Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán tiền theo Hợp đồng  
mua bán hàng hóa)

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông

Ông Nguyễn Đức Hiếu

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

- **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Nhung – Kiểm sát viên .

Hôm nay, ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2019/TLST- KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST–KDTM ngày 28/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2020/QĐST-KDTM ngày 11/9/2020, giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn: Công ty L.**

Trụ sở: Đội 6, thôn C, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thành B (theo giấy ủy quyền ngày 25/02/2019). Có mặt.

**-Bị đơn: Công ty T.**

Trụ sở: Số nhà 6D, ngõ 2, phố P, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoa C – Giám đốc.

Địa chỉ: P 206, D1, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

\*Trong đơn khởi kiện ngày 18/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn Công ty L do ông Ngô Thành B đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 03/01/2017 Công ty L và Công ty T có ký Hợp đồng kinh tế số: 0301/HĐNT/LL-HCTP về việc cung cấp ván ép. Theo nội dung hợp đồng thì Công ty L bán cho Công ty T ván ép với tổng giá trị tiền hàng là 424.600.000 đồng. Ngày 16/02/2017, ký kết phụ lục hợp đồng số 01, theo đó bên Công ty T tiếp tục mua thêm số lượng gỗ dán với tổng giá trị tiền hàng là 189.150.000 đồng. Ngày

01/7/2017, hai bên tiếp tục ký kết phụ lục hợp đồng số 02, bên Công ty T tiếp tục mua thêm số lượng gỗ dán với tổng giá trị tiền hàng là 99.330.000 đồng. Tổng giá trị tiền hàng là 713.080.000 đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT).

Thực hiện theo hợp đồng, Công ty L đã bàn giao hàng hóa cho Công ty T theo các biên bản bàn giao hàng hóa vào các ngày 11/01/2017, ngày 19/01/2017, ngày 16/02/2017, ngày 17/02/2017, ngày 01/03/2017 và ngày 31/03/2017. Hai bên cũng đã lập biên bản đối chiếu xác nhận khối lượng thực hiện từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 là 2.050 tấm gỗ (bao gồm gỗ dán phủ keo, gỗ dán phủ phim và gỗ dán AB), ngày 23/7/2017 tiếp tục lập biên bản bàn giao hàng hóa với số lượng là 350 tấm gỗ dán. Công ty L cũng đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty T theo các hóa đơn số: 0000210 ngày 11/01/2017; số: 0000212 ngày 19/01/2017; số: 0000218 ngày 16/02/2017; số: 0000229 ngày 01/03/2017; số: 0000433 ngày 30/9/2017 với tổng cộng số tiền là 713.079.235 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ngày 30/9/2017 Công ty L và Công ty T đã lập biên bản đối chiếu công nợ căn cứ vào tình hình thực hiện và thanh toán từ ngày 01/7/2017 đến ngày 31/7/2017, theo đó Công ty T còn nợ Công ty L số tiền là 571.502.000 đồng.

Ngày 13/02/2018 Công ty T đã thanh toán cho Công ty L số tiền là 100.000.000 đồng nên số tiền mà Công ty T còn nợ lại là 471.502.000 đồng (bốn trăm bảy mươi một triệu, năm trăm linh hai nghìn đồng).

Kể từ đó cho đến nay Công ty L đã rất nhiều lần gọi điện thoại, gửi văn bản yêu cầu Công ty T thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng Công ty T vẫn cố tình không thanh toán cho Công ty L.

Nay Công ty L đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty L số tiền còn nợ là 471.502.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với lãi suất là 9%/ năm kể từ tháng 3/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 31 tháng với số tiền là 109.624.000 đồng. Tổng cộng là 581.126.000 đồng.

Về án phí: Công ty L đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật

Ngoài ra Công ty L không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, do Công ty T không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh nên Tòa án đã tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

\* Tại phiên tòa hôm nay, ông Ba là người đại diện theo ủy quyền của Công ty L giữ nguyên ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải thanh toán trả cho Công ty L số tiền gốc, tiền lãi chậm trả theo hợp đồng và biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2017 với số tiền là 581.126.000 đồng. Công ty L tự nguyện tính lãi chậm thanh toán cho Công ty T với mức lãi suất là 9%/năm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay Công ty T vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 207 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt Công ty T.

**[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Đây là vụ án tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty L và Công ty T, cả hai Công ty ký kết hợp đồng đều nhằm mục đích phát sinh lợi nhuận nên xác định đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **[3]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:**

Công ty T có trụ sở tại: Số nhà 6D, ngõ 2, phố Phan Đình Giót, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Ngày 03/01/2019 Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý vụ án, ngày 27/9/2019 Công ty T thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 3 có trụ sở tại: Số nhà 3, ngách 12A, ngõ 2 Phạm Văn Đồng, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội ( theo cung cấp của phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội ). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc không thay đổi thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ nên Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền

**[4]. Về thời hiệu khởi kiện:** Đây là vụ án tranh chấp nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán hàng hóa. Ngày 30/9/2017 Công ty L và Công ty T đã có biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, nhưng sau đó Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên ngày 18/12/2018 Công ty L đã nộp đơn khởi kiện Công ty T tại Tòa án là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo Điều 319 Luật thương mại năm 2005.

### **[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty L:**

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình. Hội đồng xét xử thấy: Theo Hợp đồng kinh tế số: 0301/HĐNT/LL-HCTP được ký kết giữa Công ty L và Công ty T về việc cung cấp ván ép thì Công ty L đã bán cho Công ty T các loại gỗ với tổng giá trị tiền hàng là 713.080.000 đồng ( đã bao gồm 10% thuế VAT ).

Công ty L đã bàn giao hàng hóa và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty T với tổng cộng số tiền là 713.079.235 đồng.

Ngày 30/9/2017 Công ty L và Công ty T đã lập biên bản đối chiếu công nợ căn cứ vào tình hình thực hiện và thanh toán từ ngày 01/7/2017 đến ngày 31/7/2017, theo đó Công ty T còn nợ Công ty L số tiền là 571.502.000 đồng.

Ngày 13/02/2018 Công ty T đã thanh toán cho Công ty L số tiền là 100.000.000 đồng nên số tiền mà Công ty T còn nợ là 471.502.000 đồng ( bốn trăm bảy mươi một triệu, năm trăm linh hai nghìn đồng ).

Xét yêu cầu của Công ty L đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty L số tiền gốc là 471.502.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Còn đối với yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán là 109.624.000 đồng, thì căn cứ theo Thông báo số 02/QĐ-THN-KT ngày 01/01/2020 của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam chi nhánh Tây Hà Nội quy định lãi suất cho vay trung dài hạn là 10,4%/năm; Theo Thông báo số 1462 ngày 01/8/2019 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam quy định lãi suất cho vay trung, dài hạn là 9%/năm; Theo công văn số 62 ngày 28/02/2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Thành An quy định lãi suất cho vay trung hạn là 10,5%/năm. Lãi suất trung bình của 03 ngân hàng là 9,97%/năm. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty L chỉ yêu cầu Công ty T thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất là 9%/năm. Do vậy số tiền lãi suất chậm trả mà Công ty T phải thanh toán trả cho Công ty L theo hợp đồng mua bán là 109.624.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

**[6].Về án phí:** Công ty TNHH đầu tư và xây lắp HC-T phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán trả Công ty L.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 306, Điều 319 của Luật thương mại.

Căn cứ Điều 280; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L đối với Công ty T.
- Buộc Công ty T phải thanh toán trả cho Công ty L số tiền: 581.126.000 đồng (Năm trăm tám mươi một triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2020, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

**-Về án phí:** Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 27.245.000 đồng .

- Hoàn trả lại Công ty L số tiền tạm ứng án phí Công ty L đã nộp là 11.000.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002228 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Án xử công khai sơ thẩm có mặt Công ty L, vắng mặt Công T. Công ty L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự.
- VKSND quận Hà Đông .
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Thủy**